

Bản tin Phân tích kỹ thuật

23/07/2026

Vietcap 



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G8000 đóng cửa đảo chiều tăng điểm nhưng một phần đà tăng bị thu hẹp quanh khu vực 1.865 điểm. Dự báo đà tăng sẽ được củng cố trở lại nếu xuất hiện nến đóng cửa vượt ngưỡng 1.847 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế mua khi thỏa điều kiện trên và dừng lỗ khi vi phạm ngưỡng 1.840 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 1.847 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.865 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.840 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Tiêu cực
VN30	Tiêu cực	Tiêu cực
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Trung tính

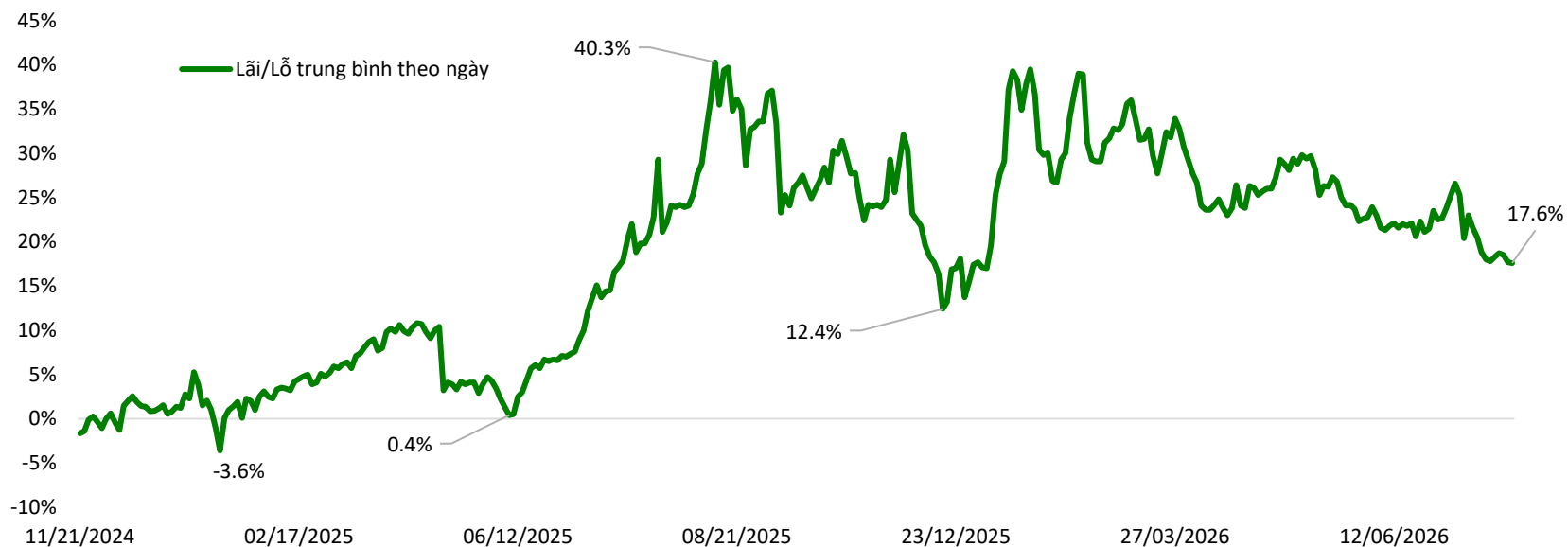


Nguồn: Vietcap

- VN-Index đảo chiều tăng sau khi tiếp cận vùng 1.660 điểm, đi kèm nhịp hồi phục trên diện rộng ở sàn HOSE. Tuy nhiên, lực mua tại khu vực này chưa thật sự nổi bật bởi thanh khoản giảm so với phiên 22/07. Ngoài ra, mức độ lan tỏa chưa đủ mạnh khi nhiều cổ phiếu chủ yếu hồi phục kỹ thuật, thay vì được hỗ trợ bởi lực cầu chủ động.
- Về mặt kỹ thuật, phiên tăng 23/07 có thể tạo quán tính hồi phục ngắn hạn cho VN-Index, với mục tiêu gần tại vùng 1.725 điểm. Tuy vậy, tín hiệu tạo đáy chưa được xác nhận và nhịp tăng hiện tại vẫn mang tính chất hồi phục kỹ thuật.
- Đánh giá rủi ro, diễn biến phiên 23/07 không đủ điều kiện xác nhận đáy do thiếu sự lan tỏa rõ nét và chưa ghi nhận lực cầu bùng nổ. Do đó, các vị thế ngắn hạn nên tạm thời đứng ngoài quan sát, chưa mở mới hoặc gia tăng tỷ trọng cho đến khi tín hiệu dòng tiền cải thiện theo chiều hướng tích cực hơn.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
TCX	25/06/2026	21/07/2026	Dừng lỗ	41,500	44,300	-6.3%	41,500	48,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	214,000	5.89%	-4.04%	1,661,108	18.743	1,506	11.2	142.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	132,000	4.02%	-7.56%	542,178	4.176	15,766	2.1	8.4	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
GAS	66,800	3.73%	-13.70%	161,185	1.151	4,808	2.3	13.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	53,300	-2.02%	2.50%	159,222	-0.617	3,780	3.7	14.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	71,200	6.91%	-13.28%	45,604	0.604	5,561	5.7	12.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	57,800	-2.20%	2.85%	120,799	-0.509	4,914	3.7	11.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	74,900	1.90%	-8.55%	134,318	0.490	1,399	3.5	53.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	22,050	-1.34%	-8.70%	177,613	-0.457	3,442	1.2	6.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	23,550	3.97%	-5.80%	58,901	0.448	2,152	1.5	10.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	17,650	6.97%	-7.35%	32,877	0.439	401	1.2	44.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	30,400	3.05%	-5.00%	74,022	0.433	1,916	2.4	15.9	Trung tính			
VIX	12,900	6.61%	-8.19%	31,609	0.400	2,307	1.0	5.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	22,200	6.99%	-12.43%	29,048	0.389	1,139	1.5	19.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STB	72,000	1.41%	0.28%	135,736	0.366	2,454	2.2	29.3	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
TCB	29,250	0.86%	-8.31%	207,273	0.342	3,829	1.2	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	134,000	7.63%	1.59%	51,590	3.646	271	11.6	494.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBS	19,400	3.74%	-4.43%	19,418	0.673	1,828	1.6	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	16,100	4.55%	-4.73%	14,481	0.610	1,119	1.2	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	34,300	3.63%	-11.60%	17,542	0.589	3,781	1.1	9.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	11,500	-0.86%	-7.26%	33,633	-0.269	41	2.4	279.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	78,300	0.38%	3.85%	70,453	0.251	14,074	4.0	5.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	96,000	-0.93%	-4.76%	28,800	-0.248	8,726	4.8	11.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	48,400	1.68%	0.41%	9,934	0.155	5,810	2.3	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	72,200	0.98%	-2.96%	16,912	0.153	5,650	1.9	12.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PTI	22,000	-5.58%	-5.58%	2,653	-0.137	2,389	1.0	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	39,100	0.77%	-6.01%	137,955	0.206	2,980	1.9	12.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNZ	483,000	6.15%	15.00%	14,408	0.172	616	19.5	787.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGR	95,900	9.60%	1.48%	7,765	0.144	6,227	6.8	15.2	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
MVN	53,900	-1.10%	-4.77%	63,140	-0.135	1,955	4.3	26.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TIN	106,000	6.00%	4.43%	9,402	0.109	17,834	3.3	5.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	33,400	1.52%	-5.92%	36,340	0.107	700	2.9	47.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PAP	26,900	5.49%	0.00%	9,626	0.102	-2,116	2.7	-12.7	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SNZ	25,000	-5.30%	-3.47%	9,525	-0.098	3,164	1.3	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VUA	17,400	14.47%	14.47%	3,470	0.097	616	1.7	28.2	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TAH	26,000	5.69%	0.00%	7,274	0.080	0	0.0	0.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

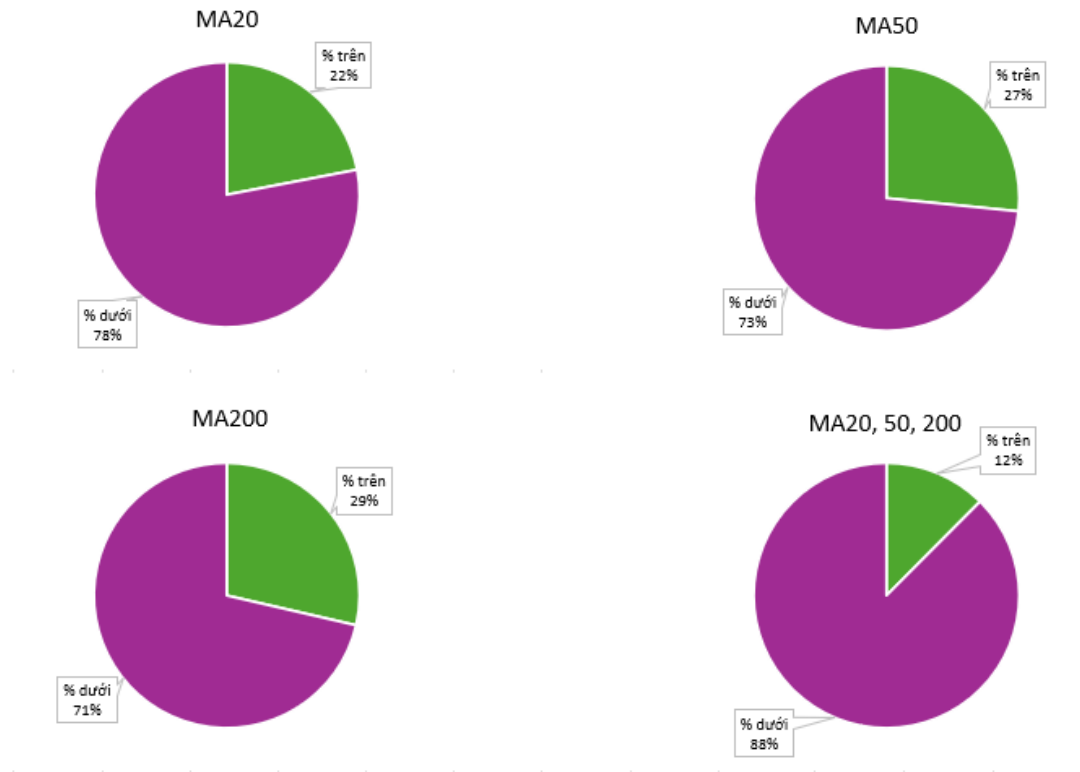
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HCM	25,950	2.6%	248.9	143.7	16,468	25,866	2.4	19.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	64,100	3.6%	106.7	71.9	51,100	63,000	3.9	74.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TAH	26,000	5.7%	5.6	7.0	23,100	24,600	0.0	0.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCB	54,000	-0.1%	398.1	249.6	54,048	75,369	1.9	12.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	29,050	-0.7%	333.3	256.3	29,249	40,869	1.2	5.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TPB	14,000	-0.7%	217.5	206.8	14,100	21,000	0.9	5.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	33,050	-6.9%	19.4	195.9	35,500	84,671	1.2	4.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	37,950	-6.3%	147.0	36.2	40,500	103,379	0.9	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	10,550	-5.0%	246.7	116.5	11,000	21,228	0.9	57.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	21,800	-3.8%	63.7	54.2	22,650	42,252	0.8	13.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DIG	10,800	-1.8%	142.0	71.8	10,850	24,600	0.9	10.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ANV	17,100	-0.3%	14.8	13.0	17,150	32,286	1.2	5.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	44,000	-1.0%	7.1	6.8	44,452	59,759	2.7	6.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	5,800	-2.4%	14.5	9.6	5,840	13,850	0.5	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	32,300	-3.9%	11.2	2.7	32,386	45,868	0.9	5.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	4,790	-1.0%	20.0	18.7	4,840	8,700	0.4	32.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BDT	9,200	1.1%	15.1	1.5	7,500	10,300	0.7	18.3	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực
PTB	32,300	-3.9%	11.2	2.7	32,386	45,868	0.9	5.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	37,950	-6.3%	147.0	36.2	40,500	103,379	0.9	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			23/07/2026	22/07/2026	21/07/2026	20/07/2026	17/07/2026	16/07/2026	15/07/2026	14/07/2026
VNINDEX	MA200	Trên	19%	17%	19%	20%	23%	23%	23%	24%
		Dưới	81%	83%	81%	80%	77%	77%	77%	76%
	MA50	Trên	19%	17%	19%	21%	26%	27%	26%	28%
		Dưới	81%	83%	81%	79%	74%	73%	74%	72%
	MA20	Trên	14%	12%	15%	16%	21%	24%	22%	27%
		Dưới	86%	88%	85%	84%	79%	76%	78%	73%
VN30	MA200	Trên	23%	23%	27%	27%	27%	23%	23%	27%
		Dưới	77%	77%	73%	73%	73%	77%	77%	73%
	MA50	Trên	20%	13%	23%	23%	23%	20%	17%	20%
		Dưới	80%	87%	77%	77%	77%	80%	83%	80%
	MA20	Trên	10%	7%	17%	17%	17%	23%	13%	20%
		Dưới	90%	93%	83%	83%	83%	77%	87%	80%
HNX	MA200	Trên	27%	29%	28%	27%	30%	30%	30%	30%
		Dưới	73%	71%	72%	73%	70%	70%	70%	70%
	MA50	Trên	23%	25%	27%	28%	30%	30%	33%	32%
		Dưới	77%	75%	73%	72%	70%	70%	67%	68%
	MA20	Trên	27%	29%	28%	27%	30%	30%	30%	30%
		Dưới	73%	71%	72%	73%	70%	70%	70%	70%
UPCOM	MA200	Trên	26%	26%	27%	27%	28%	26%	26%	27%
		Dưới	74%	74%	73%	73%	72%	74%	74%	73%
	MA50	Trên	32%	30%	31%	31%	32%	31%	31%	33%
		Dưới	68%	70%	69%	69%	68%	69%	69%	67%
	MA20	Trên	33%	33%	34%	35%	35%	35%	34%	34%
		Dưới	67%	67%	66%	65%	65%	65%	66%	66%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 15		Tháng 7										Tháng 6									
		23 ↓	22	21	20	17	16	15	14	13	10	09	08	07	06	03	02	01	30	29	26
🚗 1	Ô tô và phụ tùng	50	50	50	48	49	48	48	47	47	48	51	51	52	42	38	41	39	38	37	37
🚗 2	Tài nguyên Cơ bản	41	41	36	38	39	34	36	34	44	47	50	50	51	52	50	51	46	45	43	46
⚡ 3	Điện, nước & xăng d...	37	38	39	44	48	39	39	39	38	41	39	39	40	43	44	47	47	46	50	49
🏦 4	Ngân hàng	36	38	41	44	46	45	46	48	51	56	62	64	65	66	69	70	66	65	59	53
🏠 5	Dịch vụ tài chính	35	34	36	40	45	44	48	50	53	61	67	68	68	70	67	65	60	58	57	56
🛒 6	Thực phẩm và đồ uố...	34	36	36	39	41	40	41	42	42	45	46	47	48	50	47	50	49	48	47	48
🏗 7	Bán lẻ	27	25	27	30	31	35	39	38	37	43	45	43	44	49	50	54	47	46	44	38
🏠 8	Xây dựng và Vật liệ...	26	25	27	29	34	34	37	36	36	37	40	41	41	44	47	49	47	48	44	39
🏞 9	Du lịch và Giải trí	26	28	31	33	39	39	42	48	49	51	55	54	56	57	58	59	59	60	57	58
🏠 10	Hàng & Dịch vụ Côn...	25	26	25	30	33	34	36	37	35	37	41	42	43	47	48	52	48	46	39	38
🚗 11	Dầu khí	23	23	32	37	46	49	53	43	32	32	32	25	22	26	26	31	26	23	21	23
🧪 12	Hóa chất	23	24	25	29	32	32	33	32	32	38	41	37	34	37	37	33	33	31	32	34
🏠 13	Bất động sản	20	21	22	24	27	26	27	28	28	29	33	33	33	38	39	40	38	39	38	38
📡 14	Công nghệ Thông tin	17	16	20	24	21	22	27	30	33	36	37	39	45	35	38	37	35	31	32	29
🏠 15	Hàng cá nhân & Gia ...	16	15	15	16	20	22	22	24	23	24	25	27	32	34	38	40	31	37	37	36

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HCM	25,950	2.6%	4.2%	35,031	2.4	19.5	1,330	248.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	64,100	3.6%	3.6%	20,515	3.9	74.1	865	106.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TAH	26,000	5.7%	0.0%	7,274	0.0	0.0	0	5.6	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VVS	101,300	-7.0%	18.6%	4,361	5.3	5.2	19,567	19.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CLI	27,800	1.8%	5.3%	2,528	0.0	0.0	0	16.2	Tích cực	9.5			
TNI	6,790	-0.4%	16.3%	356	0.7	6.3	1,078	18.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHP	15,050	0.3%	2.4%	1,303	1.3	26.6	567	13.6	Tích cực	8.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	53,300	-2.0%	2.5%	159,222	3.7	14.1	3,780	157.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	72,000	1.4%	0.3%	135,736	2.2	29.3	2,454	464.5	Tích cực	7.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
CSM	14,200	0.7%	0.4%	1,471	1.0	26.0	546	9.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SHN	9,200	-3.2%	4.5%	1,192	0.8	-14,775.2	-1	5.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HVH	10,650	6.8%	5.4%	744	1.0	9.6	1,105	6.0	Tích cực	6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BDT	9,200	1.1%	7.0%	355	0.7	18.3	504	15.1	Tích cực	6.5	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực
BMP	151,300	0.2%	-0.1%	12,386	4.3	9.7	15,674	32.8	Tích cực	5.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
ABB	16,900	0.0%	-4.5%	27,098	1.2	5.8	2,911	27.7	Trung tính	3.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
PET	36,000	3.4%	-4.0%	5,571	2.3	18.9	1,902	10.6	Trung tính	3.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MST	9,500	-5.0%	-6.9%	1,079	0.9	34.2	278	42.2	Trung tính	3.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIC	214,000	5.9%	-4.0%	1,661,108	11.2	142.1	1,506	891.7	Trung tính	1.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACB	22,500	0.4%	-5.3%	130,599	1.3	8.3	2,701	602.2	Trung tính	1.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VNM	57,800	-2.2%	2.8%	120,799	3.7	11.8	4,914	278.8	Trung tính	1.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCB	54,000	-0.1%	-8.3%	451,206	1.9	12.6	4,301	398.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	36,000	0.4%	-7.3%	262,082	1.4	8.2	4,392	203.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	78,300	0.0%	-4.2%	235,363	5.3	21.2	3,657	18.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	29,050	-0.7%	-8.7%	225,630	1.2	5.9	4,906	333.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	29,250	0.9%	-8.3%	207,273	1.2	7.6	3,829	491.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	22,050	-1.3%	-8.7%	177,613	1.2	6.4	3,442	462.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	20,800	0.5%	-6.3%	175,614	1.3	8.3	2,499	763.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	39,100	0.8%	-6.0%	137,955	1.9	12.9	2,980	22.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	74,900	1.9%	-8.5%	134,318	3.5	53.5	1,399	52.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	64,700	0.2%	-4.9%	110,917	2.9	11.4	5,688	408.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	27,100	-0.2%	-10.4%	108,400	1.8	17.2	1,572	68.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	64,000	0.2%	-5.9%	93,464	2.6	19.6	3,265	320.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	22,000	1.1%	-12.2%	49,991	1.0	7.3	3,025	155.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIB	14,600	1.0%	-5.5%	49,698	1.0	6.5	2,231	108.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	63,400	-0.3%	-5.4%	46,027	3.9	13.0	4,791	5.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VEA	33,900	-0.3%	-1.7%	44,960	1.6	5.9	5,743	13.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	38,400	1.3%	-12.9%	39,744	1.8	11.7	3,294	23.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TPB	14,000	-0.7%	-9.1%	38,837	0.9	5.3	2,661	217.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	33,400	1.5%	-5.9%	36,340	2.9	47.0	700	26.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	22,200	7.0%	-12.4%	29,048	1.5	19.5	1,139	454.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	8,390	0.36%	-4.88%	25,500	205.0%	(130)	0.8	-64.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	18,000	0.00%	-5.26%	42,600	136.7%	1,077	1.1	16.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	21,800	-3.75%	-12.10%	45,800	102.2%	1,599	0.8	13.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	22,200	6.99%	-12.43%	40,500	95.2%	1,139	1.5	19.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	16,950	0.89%	-8.63%	30,800	83.3%	2,211	1.0	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	27,200	1.30%	-14.20%	48,900	82.1%	3,213	1.1	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	34,300	3.63%	-11.60%	60,000	81.3%	3,781	1.1	9.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	18,400	2.22%	-8.00%	31,900	77.2%	(99)	1.2	-186.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	12,200	0.83%	-11.59%	21,400	76.9%	2,973	1.0	4.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	29,700	2.77%	-8.33%	51,000	76.5%	4,413	1.4	6.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	16,400	0.00%	-10.38%	28,700	75.0%	1,635	1.0	10.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,100	-1.50%	-3.68%	23,100	73.7%	1,676	0.7	7.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	39,100	1.43%	-6.46%	66,800	73.3%	2,896	2.0	13.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	109,000	3.81%	-2.15%	180,100	71.5%	5,113	4.4	21.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	20,800	0.48%	-6.31%	35,400	71.0%	2,499	1.3	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	29,050	-0.68%	-8.67%	50,000	68.4%	4,906	1.2	5.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	22,050	-1.34%	-8.70%	36,000	61.1%	3,442	1.2	6.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	64,000	0.16%	-5.88%	101,200	58.4%	3,265	2.6	19.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	22,000	1.15%	-12.18%	34,200	57.2%	3,025	1.0	7.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	32,300	-3.87%	-7.32%	52,000	54.8%	6,044	0.9	5.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn